

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 21 - 8 - 2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quang Đôn và bà Lò Thị Đình;

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Minh Thắng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Hải, là Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 89/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc: "Ly hôn, trả chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXX-ST ngày 27 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn A; sinh năm 1989; địa chỉ: Số nhà 05, tổ dân phố 07, phường T, thành phố Đ, tỉnh B - Có mặt;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N; sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà 05, tổ dân phố 07, phường T, thành phố Đ, tỉnh B - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện ngày 13/5/2020 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn A trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2017 tại UBND phường H, thành phố Đ, tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình; vợ chồng không hiểu nhau, không Ca sẽ được với nhau về mọi mặt trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân từ đầu năm 2020. Mặc dù hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần, nhưng hai bên không cải thiện được để cuộc sống chung có hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông Tuấn A xin được ly hôn với bà N. Bà N cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh từ việc bà N làm ăn kinh tế

không thuận lợi, dẫn đến nợ nần; nhưng đây không phải nguyên nhân chính, mà nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như đã trình bày tại phiên tòa và trong quá trình hòa giải. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhưng do hai bên kiềm chế, không gây âm ỹ, nên phổ phường không nắm được.

Về con: Ông Tuấn A và bà N có một con chung là Nguyễn Phương C, sinh ngày 01/12/2017. Nếu ly hôn ông Tuấn A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, hiện cháu C còn nhỏ (chưa được 03 tuổi), nên ông Tuấn A để cho bà N trực tiếp nuôi con, ông Tuấn A cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng một tháng. Hiện ông Tuấn A và bà N đều là công chức, viên chức nhà nước, đủ điều kiện để nuôi con.

- *Về tài sản*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ*: Không có.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2020 và quá trình giải quyết, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

- *Về hôn nhân*: Về phần kết hôn ban đầu bà N đồng ý như ông Tuấn A đã trình bày ở đơn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu; sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bà N làm ăn kinh tế không thuận lợi, dẫn đến nợ nần. Lúc đầu ông Tuấn A có giúp bà N trả nợ, sau đó vì số nợ còn nhiều, không có khả năng trả nên mâu thuẫn gia đình càng phát sinh thêm. Vợ chồng có lời qua tiếng lại với nhau nhưng không gây âm ỹ. Hiện tại ông Tuấn A vẫn đang cùng bà N trả nợ. Những khoản nợ này là do bà N tự thực hiện, lúc đầu bà N còn giấu; khi ông Tuấn A hỏi tiền để làm ăn, thì bà N nói thật là đã dùng tiền trả nợ. Cũng vì vậy vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và đã sống ly thân từ tháng 2/2020. Vợ chồng không nói chuyện được với nhau vì ông Tuấn A không để cho bà N nói; vì áp lực trả nợ nên bà N cũng có những lời nói, hành động không tích cực, dẫn đến mâu thuẫn thêm căng thẳng. Bà N đã nhận ra sai lầm của mình, nhưng ông Tuấn A không để cho bà N có cơ hội sửa sai, cứ một mực yêu cầu ly hôn. Tình cảm vợ chồng bị sút mẻ, nhưng bà N vẫn còn tình cảm với chồng nên muốn đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Bà N và ông Tuấn A có một con chung là Nguyễn Phương C, sinh ngày 01/12/2017. Nếu ly hôn, bà N có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu ông Tuấn A cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng một tháng. Hiện bà N công tác tại viện kiểm sát tỉnh Điện Biên, có thu nhập ổn định từ lương, đủ điều kiện để nuôi con.

- *Về tài sản và nợ*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Tuấn A đối với bà Nguyễn Thị N theo luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao con chung Nguyễn Phương C, sinh ngày 01/12/2017 cho bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; ông Nguyễn Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung theo tháng, với mức 3.000.000 đồng một tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu C đủ tuổi thành niên hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng của mình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 13/5/2020, ông Tuấn A nộp đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đối với bà Nguyễn Thị N; ngày 14/5/2020 ông Tuấn A nộp cho Tòa án biên lai thu tạm ứng án phí; ngày 15/5/2020 Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Tuấn A theo Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự (*Sau đây ghi tắt BLTTDS*).

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị N cùng có địa chỉ cư trú tại thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; yêu cầu Ly hôn của ông Tuấn A đối với bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Các vấn đề khác: Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1989 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1990 tự nguyện kết hôn vào ngày 21/3/2017; có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; khi kết hôn ông Tuấn A và bà N đều đã hơn 20 tuổi; đủ điều kiện kết hôn và không thuộc những trường hợp cấm kết quy định tại Điều 5, Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (*có hiệu lực ở thời điểm kết hôn*); nên cuộc hôn nhân giữa ông Tuấn A và bà N là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn ông Tuấn A và bà N chung sống hạnh phúc trong thời gia đầu và đã có một con chung. Sau này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn làm tình cảm vợ chồng sút mẻ, cuộc sống chung không hạnh phúc. Mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải nhưng vợ chồng không giải quyết được mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đầu năm 2020. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo ông Tuấn A là do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống; theo bà N là do bà N làm ăn không thuận lợi, mất khả năng trả nợ nhưng giấu chồng.

Ông Tuấn A xin ly hôn, Tòa án đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành, do ông Tuấn A kiên quyết ly hôn. Có buổi hòa giải bà N vắng mặt, đồng thời vắng mặt không có lý do tại phiên tòa, tự từ bỏ quyền được trình bày ý kiến của mình trước

Hội đồng xét xử. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa ông Tuấn A và bà N không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Tuấn A đối với bà N theo Điều 51, Điều 56 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con: Ông Tuấn A và bà N có một con chung là Nguyễn Phương C, sinh ngày 01/12/2017, hiện cháu chưa được 03 tuổi. Quá trình hòa giải các đương sự thống nhất, nếu ly hôn sẽ giao cháu C cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Tuấn A cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng một tháng, tính từ tháng 7/2020. Tại phiên tòa ông Tuấn A không có ý kiến thay đổi về việc này. Cháu C hiện tại chưa đủ ba tuổi, việc các bên thỏa thuận giao cháu cho mẹ trực tiếp nuôi là không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Tài sản và nợ: Các đương sự không có yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng của mình theo Điều 147 BLTTDS và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 5, 8, 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 116, 117 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" của ông Nguyễn Tuấn A.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị N.

2. Về con: Giao con chung là Nguyễn Phương C, sinh ngày 01/12/2017 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, với mức 3.000.000 đồng một tháng; thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu Nguyễn Phương C đủ tuổi thành niên hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Việc thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo các Điều 81, 82, 83, 84, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghĩa vụ chậm thi hành án tiền cấp dưỡng: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị N cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng ông Nguyễn Tuấn A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền cấp dưỡng còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Tuấn A chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000069 ngày 14/5/2020 của C cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, ông Tuấn A còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 21/8/2020; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh DB;
- C cục THADS TPĐBP;
- UBND phường H, thành phố Đ (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa

Vũ Thị Nhung

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 10 phút, ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung;
- Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quang Đôn và bà Lò Thị Dĩnh .

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 89/2020/TLST -HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc "Ly hôn, trA chấp về nuôi con khi ly hôn", giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn A; sinh năm 1989; địa chỉ: Số nhà 05, tổ dân phố 07, phường Tân ThA, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N; sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà 05, tổ dân phố 07, phường Tân ThA, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trA tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật có liên quan;

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 5, 8, 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83, 84, 116, 117 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, trA chấp nuôi con khi ly hôn" của bà ông Nguyễn Tuấn A.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, trA chấp nuôi con khi ly hôn" của ông Nguyễn Tuấn A.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị N.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

2. Về con: Giao con chung là Nguyễn Phương C, sinh ngày 01/12/2017 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, với mức 3.000.000 đồng một tháng; thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu Nguyễn Phương C đủ tuổi thành niên hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc thăm nom con, thay đổi

người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo Điều 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

Nghĩa vụ chậm thi hành án tiền cấp dưỡng: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị N cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng ông Nguyễn Tuấn A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền cấp dưỡng còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

3. Tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

4. Về án phí: Ông Nguyễn Tuấn A chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 21/8/2020; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Việc nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 21 tháng 8 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhung